

## Tập 71

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm lẻ năm:

**Tam, phần nhiếp.**

**三、分攝**

(Ba, thuộc về phần nào trong mười hai thể loại kinh điển).

Đoạn thứ ba là Phần Nhiếp, phần trước đã nói về Tạng Nhiếp và Giáo Nhiếp.

**(Huyền Nghĩa) Phần giả, thập nhị phần giáo, như Tu Đa La, Kỳ Dạ đẳng, kim thử kinh giả, Tu Đa La, Ưu Đà Na, nhị phần nhiếp cố.**

**(玄義)分者，十二分教，如脩多羅祇夜等。今此經者，脩多羅、優陀那，二分攝故。**

(Huyền Nghĩa: “Phần” là mười hai phần giáo, như Trường Hàng, Trùng Tụng v.v... Nay kinh này thuộc về hai phần Trường Hàng và Vô Văn Tự Thuyết).

Đức Phật nói hết thấy các kinh, có các thứ thể tài (genre) khác nhau. Cổ nhân gọi thể tài là Phần. Kinh Phật gồm có mười hai Phần, còn gọi là mười hai bộ (“bộ” là bộ phận), tức là mười hai loại thể tài khác nhau. Tu Đa La (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Khế Kinh, thật ra là Trường Hàng, nay ta gọi [Trường Hàng] là “tản văn” (văn xuôi), theo phương thức tản văn. Kinh Di Đà từ đầu đến cuối được viết theo thể tài tản văn. Thể tài gồm mười hai loại, ở đây đại sư tỉnh lược, trong Phật Học Từ Điển và Tam Tạng Pháp Sớ<sup>1</sup> đều nói rất chi tiết.

**(Sớ) Phần giả, phân tề.**

**(疏) 分者，分齊。**

(Sớ: Phần là phân chia rạch ròi).

---

<sup>1</sup> Tam Tạng Pháp Sớ, gọi đủ là Đại Minh Tam Tạng Pháp Sớ do ngài Nhất Như biên soạn vào đời Minh. Bộ sách này gồm năm mươi quyển, giải thích những danh từ, thuật ngữ Phật học thường gặp trong Tam Tạng kinh điển, bắt đầu bằng từ ngữ “nhất tâm” và kết thúc bằng từ ngữ “bát vạn tứ thiên pháp môn”, gồm 1.555 mục.

“Tề” (齊) là chỉnh tề, chia thành từng bộ phận, mỗi bộ phận tách biệt rõ ràng với những bộ phận khác.

**(Sớ) Dĩ nhất đại thời giáo.**

**(疏) 以一代時教。**

*(Sớ: Dem giáo pháp trong suốt một đời đức Phật).*

“Nhất đại thời giáo” là Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian, giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Tạng, Giáo, Phần do người đời sau phân chia, phán định, thuở Phật tại thế không có. Vì sao người đời sau phải phân loại? Vì trong hết thảy các kinh, đức Phật hoàn toàn chẳng làm giống như cách sắp xếp tùy theo trình độ học sinh trong nhà trường, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, đến nghiên cứu sinh, chẳng giống như vậy. Thời đức Phật không có nhà trường, hết thảy các kinh được nói ra đều do có người đến thỉnh giáo. Những người đến hỏi có người trình độ rất sâu, có kẻ trình độ rất cạn, đức Phật khéo quan sát căn cơ, đối với người trình độ cạn bèn nói pháp cạn, đối với người trình độ sâu bèn nói pháp sâu, khiến cho người nghe ai nấy đều hoan hỷ. Do vậy, kinh Phật có độ sâu - cạn khác nhau rất lớn. Người đời sau nhằm dạy học thuận tiện đã phân loại kinh Phật, những kinh điển nào thích hợp với người căn cơ nông cạn, dành cho người trình độ nông cạn học, những kinh điển nào thích hợp cho người có trình độ bậc trung học tập, những kinh điển nào thích hợp với người có trình độ bậc cao học tập. Do vậy, chia Tam Tạng thành Ngũ Giáo; Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên, lại phân chia nhỏ hơn thành Mười Hai Phần Giáo nhằm nghiên cứu kết cấu văn tự và hệ thống tư tưởng của kinh văn.

**(Sớ) Biệt kỳ phân tề, các hữu sở thuộc dã. Kỳ Dạ, thử vân Trùng Tụng, Ưu Đà Na, thử vân Vô Vấn Tự Thuyết.**

**(疏) 別其分齊，各有所屬也。祇夜，此云重頌。優陀那，此云無問自說。**

*(Sớ: Phân định sự khác biệt rạch ròi giữa các kinh, mỗi kinh đều thuộc về một thể tài nhất định. Kỳ Dạ được coi này dịch là Trùng Tụng, Ưu Đà Na được coi này dịch là Vô Vấn Tự Thuyết).*

“Biệt” là khu biệt (區別: phân chia rạch ròi thành từng phần). Kỳ Dạ (Geya) là thi ca, kệ tụng, câu văn hết sức tề chỉnh, mỗi bài gồm bốn câu. Kệ có các hình thức bốn chữ, năm chữ, bảy chữ, có gieo vần, có thể

phổ thành ca khúc để diễn xướng. “*Kim thử kinh giả*” (nay kinh này), kinh này là Tu Đa La, tức là thể tài tản văn, chẳng có kệ tụng, mà cũng chẳng có mật chú. Tản văn, kệ tụng, mật chú là ba thể tài lớn trong mười hai phần. Ưu Đà Na (Udāna) là Vô Vấn Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói). Bộ kinh này cũng thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết, chẳng có ai khai thỉnh. Chúng ta thấy nhiều kinh điển đều do có người khai thỉnh, chẳng hạn như kinh Kim Cang do tôn giả Tu Bồ Đề bước ra thỉnh pháp, hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật nêu câu hỏi, đức Phật bèn giải đáp. Kinh Di Đà chẳng có ai khai thỉnh, do đức Phật tự nói ra, Vô Vấn Tự Thuyết!

**(Sớ) Thập Nhị Bộ, khứng phiên bất tự.**

**(疏) 十二部，恐煩不敘。**

*(Sớ: Mười hai bộ, sợ rườm rà nên không trình bày).*

Giải thích từng điều một rất phiền phức nên tỉnh lược.

**(Sớ) Ngôn nhị phần nhiếp giả, nhất, Tu Đa La nhiếp, dĩ thị Khế Kinh cố; nhị, Ưu Đà Na nhiếp, dĩ bất đãi thỉnh vấn, tự cáo Thân Tử cố.**

**(疏) 言二分攝者，一、脩多羅攝，以是契經故；二、優陀那攝，以不待請問，自告身子故。**

*(Sớ: Nói “thuộc về hai phần”: Một là thuộc về Tu Đa La, do là Khế Kinh. Hai là thuộc về Ưu Đà Na do chẳng đợi thưa hỏi mà tự báo ngài Xá Lợi Phất).*

Thân Tử là ngài Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất (Śāriputra) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Thân Tử.

**Tam, nghĩa lý thâm quảng.**

**三、義理深廣。**

*(Khoa mục lớn thứ ba [trong Thập Môn Khai Khải] là nghĩa lý sâu rộng).*

Chúng ta sắp thảo luận những đạo lý trong kinh Di Đà. Đoạn lớn này có thể chia thành ba đoạn nhỏ.

**Sơ, nhiếp đốn, nhị phần viên, tam bàng thông.**

**初攝頓，二分圓，三旁通。**

*(Một là kinh này thuộc vào Đốn giáo, hai là kinh này có đôi phần thuộc Viên Giáo, và ba là luận định những kinh điển khác có ý nghĩa tương thông).*

Trong Ngũ Giáo, kinh Di Đà thuộc Đốn Giáo, “*đốn*” (頓) là đốn siêu (nhanh chóng vượt thoát). Không riêng gì Liên Trì đại sư có cách nhìn như vậy, mà Khuy Cơ đại sư của Pháp Tướng Duy Thức Tông cũng nhận định giống như thế. Ngài nói kinh này, pháp môn này viên đốn đến cùng cực. Vì sao? Vì có thể thành công trong bảy ngày. Quý vị nghĩ xem: Pháp môn nào có thể thành Phật trong bảy ngày? Tìm không ra! Pháp môn này đúng là bảy ngày thành Phật, từ một ngày cho đến bảy ngày, kinh nói rất rõ ràng. Cũng có thể là chúng ta nghe rồi chẳng tin, thật sự là bảy ngày có thể thành tựu ư? Trong Cao Tăng Truyện hay Vãng Sanh Truyện, quả thật có người niệm Phật bảy ngày bèn vãng sanh.

Đời Tống, pháp sư Oánh Kha trong quá khứ chưa từng niệm Phật, mà cũng chẳng biết đến pháp môn này. Sau khi ông ta xuất gia, giới luật chẳng nghiêm, chẳng giữ Thanh Quy, tạo tội nghiệp rất nặng, nhưng ông ta có thiện căn. Nói “*thiện căn*” nghĩa là ông ta có thể tự giác, biết chính mình tương lai nhất định đọa địa ngục, biết địa ngục khổ sở, địa ngục đáng sợ, do vậy, thỉnh giáo đồng học: “Có cách nào để tương lai chẳng đọa địa ngục hay không?” Các đồng học bảo ông ta: “Chỉ có một biện pháp, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo, quyết định chẳng đọa địa ngục”. Sau khi nghe xong, ông ta rất hoan hỷ, trở về liêu phòng đóng cửa niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta chẳng ăn, chẳng uống, cũng chẳng ngủ nghỉ, niệm Phật suốt ba ngày như thế, cảm A Di Đà Phật hiện thân. A Di Đà Phật bảo ông ta: “Thọ mạng của ông hãy còn mười năm nữa, hãy khéo tu tập trong mười năm ấy, đến khi thọ mạng đã hết, ta lại đến tiếp dẫn”. Ông ta bạch A Di Đà Phật: “Con căn tánh kém hèn rất nặng, không thể chống đỡ những dụ dỗ, mê hoặc. Hễ vừa bị bên ngoài dẫn dụ, con lại tạo tội. Nếu con sống thêm mười năm nữa, chẳng biết sẽ lại tạo bao nhiêu tội, thôi đi! Con không cần mười năm thọ mạng, nay con muốn theo Phật”.

Ông ta thỉnh cầu A Di Đà Phật như vậy, A Di Đà Phật đúng là rất từ bi, bèn nói: “Được rồi! Ba ngày sau, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ông ta mở cửa phòng, bảo đại chúng: “Ba ngày sau A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi vãng sanh”. Trong chùa chẳng có ai tin, hạng người như vậy làm sao có thể vãng sanh? Nhưng ông ta nói lời ấy hình như chẳng giả dối; hơn nữa, thời gian rất ngắn, ba ngày thôi! Coi thử người nói thật hay giả? Đến ngày

thứ ba, ông ta thỉnh cầu đại chúng trợ niệm tiền ông ta vãng sanh. Ông ta tắm rửa, thay y phục sạch sẽ xong, niệm xong kinh Di Đà, lại niệm Phật hiệu, Phật hiệu vừa niệm mấy câu bèn bảo mọi người: “Phật đến rồi, tôi phải theo Ngài ra đi”, ba ngày vãng sanh!

Do vậy, chẳng có một pháp môn nào nhanh bằng pháp môn này. Con người hiện thời vì sao không thành công? Con người hiện thời ngoài miệng nói muốn vãng sanh, nhưng trong tâm chẳng muốn đi, vẫn lưu luyến thế giới này. Nếu chúng ta đã Phật Thất ở đây, phía trên treo một tấm biển: “Bảy ngày bảo đảm vãng sanh”, cũng chẳng có ai đến dự! Vừa trông thấy, họ bèn nói: “Thôi rồi! Bảy ngày phải chết, không đến đâu!” Con người hiện tại “miệng nói vậy, lòng chẳng nghĩ vậy”. Trước kia, lòng người ta thật sự muốn vãng sanh nên mới có thể thành công! Vì thế, trong lịch sử, quả thật có những trường hợp như vậy, có những chuyện như thế. Cổ đức phán định [kinh A Di Đà] là Đốn Giáo, đốn đến cùng cực, đốn siêu! Chúng ta nên hiểu điều này.

***(Huyền Nghĩa) Dĩ tri thử kinh nhiếp ư Đốn Giáo, thiểu phần thuộc Viên.***

**(玄義) 已知此經攝於頓教，少分屬圓。**

***(Huyền Nghĩa: Đã biết kinh này thuộc về Đốn Giáo, có chút phần Viên).***

“Thiểu phần thuộc Viên”: Trong ấy có ý nghĩa Viên Giáo, chẳng phải là thuần Viên, chỉ có một phần thuộc Viên Giáo.

***(Huyền Nghĩa) Vị tri sở cụ nghĩa lý, đương phục vân hà?***

**(玄義) 未知所具義理，當復云何。**

***(Huyền Nghĩa: Chưa biết nghĩa lý trọn đủ lại là như thế nào?)***

Nay lại phải hỏi hai danh từ Viên và Đốn, danh từ đương nhiên chứa đựng ý nghĩa, chúng ta còn chưa hiểu rõ ý nghĩa, đương nhiên phải thảo luận kỹ càng hơn. Sau khi hiểu rõ nghĩa lý, đối với pháp môn này chúng ta mới có thể thật sự sanh khởi tín tâm, lòng tin từ đâu mà phát sanh? Sanh từ lý luận. Hiểu rõ đạo lý, ta sẽ đương nhiên tin tưởng. Đủ thấy thảo luận nghĩa lý và lòng tin của ta đối với pháp môn này có mối quan hệ rất lớn.

***(Huyền Nghĩa) Tiên minh thử kinh nhiếp ư Đốn giáo, cái vị tri danh tức sanh, tột siêu, tốc chứng, vô vu khúc cổ, chánh thuộc ư Đốn.***

(玄義)先明此經攝於頓者，蓋謂持名即生，疾超速證，無迂曲故，正屬於頓。

(*Huyền Nghĩa: Trước hết, giảng rõ kinh này thuộc Đốn Giáo. Ấy là vì trì danh liền vãng sanh, vượt thoát, chứng ngộ nhanh chóng, chẳng quanh co, vòng vèo, đúng là thuộc về Đốn Giáo.*)

Xếp ý nghĩa Đốn lên đầu, quả thật rất có lý. Pháp môn này xác thực thuộc vào loại pháp môn đốn siêu, vãng sanh trong một đời này đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Pháp môn này đúng là pháp môn thành Phật trong khi còn sống. Các vị đại đức xưa nay bảo chúng ta: Thiền thuộc về Đốn Giáo, Mật nói “tức thân thành Phật”, đều chẳng bằng pháp môn Niệm Phật! Trong Thiền, dầu đắc Thiền Định, cũng chẳng qua là sanh lên Tứ Thiền Thiên mà thôi, chẳng thể ra khỏi tam giới. [Người tu] Thiền Tông Trung Quốc đến cuối cùng vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thiền Môn Nhật Tụng là nghi thức tụng niệm của nhà Thiền, khóa tối tụng kinh A Di Đà, niệm Phật, đến khi bệnh nặng bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu người ấy không làm như vậy, dầu có Định lực rất sâu, chỉ có thể sanh trong cõi trời Tứ Thiền Thiên mà thôi, chẳng thể ra khỏi tam giới, chẳng rốt ráo. Mật Tông nói “tức thân thành Phật” (thành Phật ngay trong cái thân này), chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi, nhưng cảnh giới liễu sanh tử của họ thật sự chỉ bằng với Tiểu Thừa A La Hán, họ có thật sự liễu sanh tử hay chẳng? [Đừng tưởng lầm] hễ tu [Mật Tông] bèn có thể liễu sanh tử, không có lẽ ấy! Nếu tu thành công thì mới được, tu chẳng thành công sẽ vô ích. Phải đoạn được Kiến Tư phiền não, mới tính là tu thành công. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới. Do điều này biết rằng: Mật thật sự chẳng dễ dàng!

Tịnh Độ thành tựu dễ dàng do “đời nghiệp vãng sanh”, chẳng cần phải đoạn Kiến Tư phiền não. Quý vị phải hiểu: Trong tất cả kinh Phật, chỉ có bộ kinh này nói chẳng cần đoạn Kiến Tư phiền não mà có thể vãng sanh. Trừ bộ kinh này ra, bất cứ pháp môn nào khác cũng đều không có cách nói này. Nói cách khác, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có pháp môn này là đời nghiệp vãng sanh; nhưng quý vị phải hiểu: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc hoàn toàn chẳng phải là thành Phật, vì quý vị chưa đoạn Kiến Tư phiền não, vẫn là thân phàm trần, người. Nói theo các pháp môn khác thuộc Tông Môn, Giáo Hạ, chẳng thể coi là có thành tựu. Chúng tôi nêu tỷ dụ, giống như từ thế giới Sa Bà di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, địa vị của chúng ta hoàn toàn chẳng được nâng cao hơn, mà mang địa vị giống hệt như vậy di dân sang đó. Đốn là đốn ở chỗ này: Di

dân sang đó. Viên ở chỗ nào? Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ cần quý vị sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu cho địa vị thấp đến đâu đi nữa, Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến nơi đó bèn chúng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Do vậy, pháp môn này cũng thuộc vào Viên, đạo lý Viên nhìn từ chỗ này; chẳng nói là Thuần Viên vì Kiến Tư phiền não chưa đoạn. Nếu là Thuần Viên thì không chỉ Kiến Tư phiền não phải đoạn, mà Trần Sa phiền não cũng phải đoạn, vô minh phải phá một phẩm. Thuần Viên là Pháp Thân đại sĩ, thuộc vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

***(Sớ) Chánh thuộc Đốn nghĩa giả, dĩ bác địa phàm phu, dục đẳng thánh địa, kỳ sự thậm nan, kỳ đạo thậm viễn.***

**(疏)正屬頓義者，以博地凡夫，欲登聖地，其事甚難，其道甚遠。**

*(Sớ: Kinh này hoàn toàn thuộc vào nghĩa lý Đốn giáo, bởi hạng phàm phu sát đất mà muốn đạt lên địa vị thánh thì chuyện ấy rất khó, đạo ấy rất xa vời).*

Câu này ý nói sự khó khăn ấy quả thật là khó. Nay chúng ta một tí tí tập khí cũng chẳng dễ gì đoạn trừ, huống là mong chúng cảnh giới của bậc thánh nhân trong Phật pháp, ắt phải đoạn trừ những tập khí vi tế. Khó làm mà có thể làm được, khó nhẫn mà có thể nhẫn được, khó đoạn mà có thể đoạn được, đó chính là đoạn Hoặc chúng Chân. Đoạn Hoặc khó! Chúng Chân khó! “*Kỳ đạo thậm viễn*” (Đạo ấy rất xa vời): Từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, có tất cả năm mươi tám tầng cấp địa vị Bồ Tát trong Đại Thừa, đó là nói theo kinh Lăng Nghiêm; nay chúng ta thuộc tầng cấp nào? Giống như đi học, có năm mươi tám lớp, nay chúng ta ở lớp nào? Thừa quý vị, chúng ta đứng ngoài cửa, vẫn chưa vào trong, nhập môn rồi mới có thể tính. Quý vị còn chưa học lớp Một, vẫn đứng ngoài cửa. Lớp Một là trình độ gì vậy? Chúng ta chỉ nói tới Viên Giáo, lớp Một chính là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Thử hỏi: Chúng ta đã đoạn được mấy phẩm trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc? Một phẩm cũng chưa đoạn! Chưa có tư cách học lớp Một! Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc mới là địa vị Sơ Tín, trên đó là Nhị Tín, Tam Tín cho đến Thập Tín, sau đây là Sơ Trụ cho đến Thập Trụ, Sơ Hạnh cho đến Thập Hạnh, Sơ Hồi Hướng cho đến Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh, Sơ Địa cho đến Thập Địa, lại đến Đẳng Giác Bồ Tát, Bồ Đề đạo đúng là xa xôi! Quý

vị nhất định phải hiểu, nay chúng ta ngay cả lớp Một Tiểu Học mà còn chưa đủ tư cách, nếu học các pháp môn khác, làm sao có thể thành tựu? Chính mình phải nghiêm túc suy nghĩ bản thân mình thuộc căn tánh nào, quyết định chớ nên lừa mình, dối người. Tư cách học lớp Một còn chưa có, làm thế nào đây? Hành theo pháp môn này! Nay chúng ta là phàm phu sát đất, một phẩm Kiên Tư phiền não chưa đoạn, dùng pháp môn này để đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

**(Sớ) Kim dẫn trì danh, tức đắc vãng sanh.**

**(疏) 今但持名，即得往生。**

**(Sớ: Nay chỉ trì danh liền được vãng sanh).**

Nay chúng ta chỉ cần tin tưởng, chỉ cần thật sự chịu phát nguyện, thật sự muốn vãng sanh, suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tới A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, có thể làm như vậy, trong thời gian hai ba năm sẽ thành công. Nếu [công phu] tưởng Phật, niệm Phật của quý vị lúc gián đoạn, lúc liên tục, như có, như không, sợ rằng suốt đời này cũng chẳng thể thành công. Nếu quý vị coi đây là chuyện bậc nhất phải làm, chắc chắn sẽ có hy vọng [vãng sanh].

**(Sớ) Ký vãng sanh hỹ, tức đắc Bất Thoái.**

**(疏) 既往生矣，即得不退。**

**(Sớ: Đã vãng sanh liền đắc Bất Thoái).**

Dầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh, hễ về bên đó liền bất thoái chuyển. Nói thật ra, bất thoái chuyển chẳng đơn giản, vì sao? Bất thoái chuyển thì quý vị thuộc vào địa vị thánh nhân. Vì thế, pháp môn này gọi là “pháp khó tin”, thật sự khó! Có ba loại Bất Thoái:

- Thứ nhất là Vị Bất Thoái, tức là địa vị chẳng bị lui sụt. Chúng ta thường nói Vị Bất Thoái chính là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Ngài học lớp Một, chẳng bị lui xuống nữa. Đức Phật bảo chúng ta: Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo; tuy vẫn chưa thoát khỏi tam giới, quyết định chẳng đọa ác đạo. Từ đây trở đi, vị Bồ Tát ấy chỉ có tiến lên, chẳng lui sụt, đã được bảo đảm. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới dầu là Hạ Hạ phẩm phàm phu cũng thuộc địa vị Bất Thoái. Nói cách khác, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có sự thoái đọa này (tức là địa vị không bị lui sụt).



- Thứ hai là Hạnh Bất Thoái, nói thông thường, Hạnh Bất Thoái là từ A La Hán trở lên, Tứ Quả La Hán, trong địa vị Bồ Tát thì là Đệ Thất Tín. Vị Bất Thoái là Sơ Tín, Hạnh Bất Thoái là Đệ Thất Tín, bằng với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo.

- Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái, minh tâm kiến tánh, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên.

Người Hạ Phẩm Hạ Sanh là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, nói cách khác, trong một đời có thể bằng với Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, quả thật tuyệt diệu! So với A La Hán và Bích Chi Phật, cao hơn quá nhiều! A La Hán, Bích Chi Phật chỉ bằng với Đệ Thất Tín Bồ Tát. “*Bằng*” là nói về mức độ đoạn phiền não giống nhau, chứ trí huệ khác nhau. Trí huệ của họ (A La Hán, Bích Chi Phật) kém xa trí huệ của Thất Tín Bồ Tát. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành tựu! Đây là ý nghĩa viên mãn; hiểu được chỗ tốt đẹp này, nhất định mong vãng sanh!

***(Sớ) Khả vị đàn chỉ viên thành, nhất sanh thủ biện.***

***(疏) 可謂彈指圓成，一生取辦。***

*(Sớ: Có thể nói là thành tựu viên mãn trong khoảng khảy ngón tay; hoàn tất trong một đời).*

“*Đàn chỉ*” ý nói nhanh chóng. Thành tựu trong khoảng khảy ngón tay, không chỉ thành tựu, mà còn thành tựu viên mãn. Cổ nhân nói: “*Đàn chỉ viên thành bát vạn môn*” (trong khoảng khảy ngón tay viên mãn tám vạn pháp môn), tám vạn bốn ngàn pháp môn được gồm thâu trong một câu A Di Đà Phật, chẳng sót pháp nào! “*Nhất sanh thủ biện tăng-kỳ quả*” (chỉ một đời mà tu đạt cái quả vốn phải tu trong nhiều A-tăng-kỳ kiếp). Kinh nói thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chúng ta không cần đến, một khi vãng sanh liền hoàn tất chuyện thuộc ba A-tăng-kỳ kiếp. Pháp sư Oánh Kha đời Tống, ba ngày đã làm xong, người khác phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp mới có thể hoàn tất. Trong thế gian này, [những trường hợp] tu tập thành công trong ba năm nhiều lắm! Niệm Phật ba năm, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh.

Trong bản chú giải kinh Di Đà của pháp sư Viên Anh, Sư có dẫn chứng chuyện ông Vương Đa Thiết ở Hành Châu, đây là chuyện thật! Tại Hành Dương, tỉnh Hồ Nam, có một người thợ rèn, một nhà bốn người: Ông ta có một vợ và hai đứa con thơ, ngày nào không làm, ngày ấy chẳng có cơm ăn, cuộc sống hết sức khổ sở. Hằng ngày phải làm lưng cực nhọc

kiếm chút tiền sống qua ngày, ông ta tự biết mình rất khổ, tự mình thật sự giác ngộ. Có một hôm, có một vị xuất gia đi qua cửa, ông ta trông thấy rất hoan hỷ, mời vị xuất gia ngồi trong xường rền, thỉnh giáo: “Con sống quá khổ cực, có cách gì cứu con hay không?” Lại còn ra điều kiện! Ông ta nói: “Con muốn học Phật, nhưng không có tiền để bố thí, cúng dường, mà công việc của con cũng chẳng thể đình đốn. Chẳng thể lãng phí thời gian, mà cũng chẳng thể buộc con phải tốn tiền. Thầy có cách nào cứu con hay chăng?”

Vị pháp sư ấy bảo ông ta: “Chỉ cần niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ là được. Niệm A Di Đà Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện ấy chẳng tốn tiền, cũng chẳng cần phải ra ngoài, tới chùa miếu, cũng chẳng tốn thời gian”. Ông ta nghe xong rất hoan hỷ, làm theo. Mỗi ngày rền sắt, cứ đập búa xuống liền niệm A Di Đà Phật, giở búa lên bèn A Di Đà Phật. Thụt ống bễ vào, A Di Đà Phật, kéo ống bễ ra, A Di Đà Phật. Suốt ngày từ sáng đến tối là A Di Đà Phật. Vợ ông ta ở bên cạnh nói: “Ông rền sắt đã quá khổ sở, quá mệt mỏi rồi, trong miệng vẫn niệm A Di Đà Phật có phải là càng mệt hơn hay sao?” Ông ta nói: “Trước kia, tôi mệt thật. Nay hề niệm A Di Đà Phật, tinh thần sung mãn gấp trăm lần, chẳng mệt mỏi gì hết!”

Niệm như vậy ba năm, có một hôm, ông ta bảo vợ: “Tôi sắp về nhà”. Bà vợ nói: “Đây chẳng phải là nhà của ông hay sao?” Ông ta nói: “Nhà tôi bên Tây Phương Cực Lạc thế giới!” Nói xong lại tiếp tục rền sắt, rền một lúc bèn đọc một bài kệ. Ông ta chưa từng đi học, chẳng biết chữ, lúc sắp ra đi để lại một bài kệ:

*Đinh đinh đang đang,  
Cửu luyện thành cang,  
Thái bình tương cận,  
Ngã vãng Tây Phương.  
(Binh bình, beng beng,  
Luyện mãi thép bền,  
Thái bình sắp đến,  
Ta về Tây Phương).*

Ông ta đập búa xuống rồi đứng vắng sanh. Khi vắng sanh, mùi hương lạ ngập nhà, hàng xóm chung quanh đều ủa đến xem, đứng vắng sanh! Vì thế, cả một giải Hành Dương phong khí niệm Phật đặc biệt thịnh hành là do ông ta đã làm gương tại đó: Kẻ chẳng biết chữ, niệm Phật ba

năm bèn vãng sanh, ra đi tự tại đường ấy, ba năm thành công! Đích xác là hoàn thành chuyện của ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong một đời! Đương nhiên, pháp này thuộc về Đốn Giáo, hoàn thành trong một đời.

**(Sớ) Như tương bảo vị, trực thọ phàm dung, bất lịch giai cấp, phi Tiệm giáo vu hồi khuất khúc chi tỷ, cố thuộc Đốn nghĩa.**

**(疏)如將寶位，直授凡庸，不歷階級，非漸教迂迴屈曲之比，故屬頓義。**

*(Sớ: Như đem ngôi báu trao ngay cho kẻ tầm thường, kém cỏi, chẳng trải qua từng tầng cấp. Tiệm Giáo quanh co, vòng vèo, chẳng thể nào sánh bằng, nên pháp này thuộc về nghĩa lý Đốn giáo).*

“Bảo vị” (ngôi báu) giống như ngôi vị của quốc vương. Một kẻ bình dân bá tánh chẳng cần phải thăng từng cấp từ huyện thái gia (tri huyện), tri phủ, tuần phủ, mà ngay lập tức được trao cho vương vị, một bước lên trời, đó là ý nghĩa của Đốn. Vì thế, pháp môn Niệm Phật chẳng có cấp bậc, chẳng cần phải tu học dần dần, mà là đốn siêu, đốn chứng.

**(Huyền Nghĩa) Hoặc nạn.**

**(玄義) 或難。**

*(Huyền Nghĩa: Nếu gạn hỏi).*

Có người đến vấn nạn.

**(Huyền Nghĩa) Đốn Giáo nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật. Ngũ pháp tam tự tánh giai Không, bát thức nhị vô ngã câu khiển.**

**(玄義)頓教一念不生，即名為佛。五法三自性皆空，八識二無我俱遣。**

*(Huyền Nghĩa: Trong Đốn Giáo, một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật. Năm pháp, ba tự tánh đều là Không; tám thức, hai thứ vô ngã đều mất sạch).*

Đây là nói theo Pháp Tướng Tông “ngũ pháp, tam tự tánh, bát thức, nhị vô ngã”, Đốn giáo bỏ sạch những thứ này. Trong tâm thật sự làm được “nhất niệm bất sanh”, Lục Tổ nói: “Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần”, đây là Đốn. Thiền Tông Nam Truyền của Lục Tổ là pháp môn Đốn Giáo.

**(Huyền Nghĩa) Kim trì danh niệm Phật, thị vi hữu niệm, vân hà danh Đốn?**

**(玄義) 今持名念佛，是為有念，云何名頓。**

**(Huyền Nghĩa: Nay trì danh niệm Phật là hữu niệm, sao có thể gọi là Đốn?)**

Câu hỏi này rất hay! Dùng giáo nghĩa Đốn Giáo để cật vấn người niệm Phật, người niệm Phật và giáo nghĩa Đốn Giáo chẳng phù hợp! Đốn Giáo là thành Phật, còn Đốn ở đây là vãng sanh. Tôi vừa mới nói đó, vãng sanh trọn chẳng phải là thành Phật, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới phước báo quá lớn, hề vãng sanh sẽ giống như thành Phật. Giống như thành Phật, chứ hoàn toàn chẳng phải là thành Phật. Cho nên nó thuộc về Phần Viên, chẳng phải là Thuần Viên, đạo lý ở chỗ này.

**(Huyền Nghĩa) Đáp: Dĩ nhất tâm bất loạn, chánh vị vô niệm.**

**(玄義) 答：以一心不亂，正謂無念。**

**(Huyền Nghĩa: Đáp: Do nhất tâm bất loạn chính là vô niệm).**

Dùng giáo nghĩa của kinh này để trả lời. Giáo nghĩa và tông chỉ của kinh này yêu cầu chúng ta niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn.

**(Huyền Nghĩa) Nhược hữu niệm giả, bất danh nhất tâm, dẫn đắc nhất tâm, hà pháp bất tịch?**

**(玄義) 若有念者，不名一心，但得一心，何法不寂。**

**(Huyền Nghĩa: Nếu hữu niệm sẽ chẳng gọi là nhất tâm, chỉ cần đạt được nhất tâm thì có pháp nào chẳng vắng lặng?)**

Nhìn từ điểm này, kinh Di Đà quả thật thuộc Đốn Giáo; nhưng đối với Đốn Giáo, nếu quý vị đốn không được, thất bại sẽ chuốc phiền, giống như một bước lên trời, lên không được, rơi xuống sẽ tan thân nát xương, phiền phức to lắm! Ý nghĩa Đốn của pháp môn này và ý nghĩa Đốn của các pháp kia (tức các pháp môn thuộc Đốn Giáo) khác nhau; nếu niệm đến mức nhất tâm bất loạn sẽ giống như các pháp môn Đốn Giáo khác. Nếu chưa thể niệm đến nhất tâm bất loạn, thì niệm đến mức công phu thành phiền đối nghiệp vãng sanh vẫn thuộc vào Đốn Giáo. Do vậy, pháp môn này nhất định có thành tựu.

**(Sớ) Ngũ pháp giả, vị: Nhất danh, nhị tướng, tam vọng tưởng, tứ chánh trí, ngũ như như.**

**(疏)五法者，謂：一名，二相，三妄想，四正智，五如如。**

**(Sớ: Năm pháp là: Một là danh, hai là tướng, ba là vọng tưởng, bốn là Chánh Trí, năm là Như Như).**

Kinh Lăng Già chia hết thấy các pháp thành năm loại lớn. Năm loại lớn ấy triển khai sẽ thành hết thấy vạn pháp, pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đều bao gồm trong ấy, nói chung, chẳng ra ngoài năm hạng mục này.

Thứ nhất là Danh, tức danh xưng. Phạm là vật thể hay hiện tượng đều có một tên gọi.

Loại thứ hai là Tướng, tức hiện tượng. Chỉ cần là vật thể, nhất định có hiện tượng.

Hai thứ đầu là vật chất; tất cả vật chất trong vũ trụ đều chẳng ngoài danh và tướng, bao gồm tất cả vật chất.

Loại thứ ba là vọng tưởng. Vọng tưởng là hiện tượng tâm lý. Phạm phủ suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Đông nghĩ Tây, nghĩ đến quá khứ, vị lai, hoàn toàn khỏi vọng tưởng.

Hai thứ sau là cảnh giới thánh nhân. Ai mới có chánh trí? Từ A La Hán trở lên. Những vị từ A La Hán trở lên không có vọng tưởng, trí huệ hiện tiền. A La Hán được gọi là Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như Như là Chân Như bốn tánh, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Bản thể của bốn pháp đầu (danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí) là Như Như, [Như Như] còn gọi là Chân Như, Tự Tánh, hay Bốn Tánh.

**(Sớ) Tam tự tánh giả.**

**(疏) 三自性者。**

**(Sớ: Ba tự tánh là...)**

“Tánh” là tánh chất. Nói theo tánh chất thì có thể chia thành ba loại.

**(Sớ) Danh, tướng thị Vọng Kế Tánh, vọng tưởng thị Duyên Khởi Tánh, Chánh Trí, Như Như thị Viên Thành Tánh.**

(疏)名、相，是妄計性；妄想，是緣起性；正智、如如，是圓成性。

(Sớ: Danh và Tướng là Vọng Kế Tánh, vọng tướng là Duyên Khởi Tánh, Chánh Trí và Như Như là Viên Thành Tánh).

Loại thứ nhất là so lường hư vọng, chẳng chân thật. Nói cách khác, hoàn toàn sanh từ khái niệm trừu tượng, cho nên gọi là Biến Kế Sở Chấp Tánh (Parikalpita-svabhāva). Chẳng hạn Danh, danh là giả danh, thánh nhân Trung Quốc nói: “*Danh khả danh, phi thường danh*” (cái danh mà có thể gọi tên được thì chẳng phải là cái danh thường hằng), bởi lẽ, danh tự chẳng chân thật. Nếu quý vị thật sự giác ngộ danh tự là hư vọng, hư giả, sẽ thấy thấu suốt cửa ải này. Danh là do con người giả lập, chẳng thật! Giả sử hiện thời có kẻ chỉ ta, chửi bới: “Mày là đồ chó, chẳng phải là người”. Quý vị nghe xong bèn nổi đóa, tức là bị danh tướng vây hãm rồi! Nếu tổ tiên đặt cho hình dáng này của chúng ta cái tên gọi là Chó, thì hiện thời mọi người chúng ta nghe chữ Chó cũng vui vẻ. Thoạt đầu, tạo ra chữ cũng theo cách ấy. Giả bày ra, chẳng thật! Có sao quý vị lại coi nó là thật? Nhằm nói năng, trao đổi ý kiến cho thuận tiện, mà giả lập những danh tướng ấy; cho nên Danh là giả, chẳng thật!

Tướng là hiện tượng, thuộc về Vọng Kế Tánh (Biến Kế Sở Chấp Tánh), mà cũng thuộc Duyên Khởi Tánh. Duyên Khởi Tánh chính là Y Tha Khởi Tánh (Para-tantra-svabhāva), [nghĩa là] do các thứ điều kiện tập hợp mà sanh khởi hiện tượng ấy. Chẳng hạn như cái khăn lông, đó là Tướng. Có nhiều điều kiện thì mới sanh ra tướng ấy. Đó gọi là Y Tha Khởi Tánh, tức là Duyên Khởi Tánh. Vì sao cũng nói nó thuộc Biến Kế Tánh? Cùng là một cái khăn lông đặt ở chỗ này, rất nhiều người trong chúng ta trông thấy. Có người thấy nó, thờ ơ, chẳng quan tâm, chẳng để ý tới. Có người thấy nó rất dễ thương, động lòng. Có người thấy nó rất đáng ghét, bực mình vì chẳng thể vứt nó đi. Tâm lý ấy chính là Biến Kế Sở Chấp Tánh, chẳng thật! Hết thấy hiện tượng bày ra trước mắt chúng ta, trong tâm chúng ta dấy lên biến hóa, khởi tham, sân, si, mạn, đó là Biến Kế Sở Chấp Tánh. Lục Tổ đại sư nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, tức là chẳng có vật gì, trong chân tâm chẳng có vật gì. Hết thấy vạn pháp sanh thành, thuộc về Y Tha Khởi Tánh, là hiện tượng được sanh bởi các điều kiện, nhân duyên, quyết chẳng phải là ngẫu nhiên, quyết chẳng đơn thuần, trong ấy hết sức phức tạp. Trong nhà Phật có Pháp Tướng Duy Thức Tông chuyên môn nghiên cứu những thứ này, nghiên cứu rất tỉ mỉ. Muốn hiểu rõ, quý

vị hãy nghiên cứu Duy Thức Pháp Tướng, đây là một môn học vấn rất sâu, rất rắc rối, là khoa học và triết học thuần túy.

“*Vọng tưởng thị Duyên Khởi Tánh*”: Vọng tưởng chẳng ngẫu nhiên sanh ra, mà cũng do có rất nhiều nhân duyên mới sanh khởi vọng tưởng. Có những nhân tố quý vị có thể nhận biết, nhưng cũng có những nhân tố về căn bản chẳng thể nhận biết được! Nguyên nhân là gì? Con người chúng ta chẳng phải chỉ [tồn tại] trong một đời này, mà còn có quá khứ, quá khứ lại còn có quá khứ của nó. Đã có quá khứ, đương nhiên nhất định có vị lai, ba đời đều có chính mình; chuyện trong một đời này có khi ta nghĩ đến, tuy không biết chuyện đời trước, nhưng tập khí của đời trước đôi khi hiện hành. Ví như nằm mộng, có nhiều cảnh giới trong mộng chẳng phải là những thứ quý vị có thể tưởng tượng trong lúc bình thường, vì sao có thể mộng thấy? Có quan hệ với đời trước. Hiện thời, tại ngoại quốc, thuật thôi miên thịnh hành; cho nên người ngoại quốc thừa nhận con người có đời trước. Có nhiều người đời trước là động vật, từ trong súc sanh [sanh làm người], cũng có người làm người rồi trở lại làm người, cũng có người từ tinh cầu khác sanh vào nơi đây. Những cách nói này tương ứng với Phật pháp.

“*Chánh Trí, Như Như, thị Viên Thành Tánh*”, “*thành*” là thành tựu, “*viên*” là viên mãn, đây là chân thật, chắc chắn chẳng hư vọng. Viên Thành Thật Tánh (Parinispāna-svabhāva) đối lập với hai loại trước; hai loại trước, tức là Biến Kế Sở Chấp Tánh (Vọng Kế Tánh) và Y Tha Khởi Tánh (Duyên Khởi Tánh), chúng là hư vọng.

**(Sớ) *Bát thức giả, Lại Da, Mạt Na cập nhãn đẳng lục, hợp chi thành bát.***

(疏) 八識者，賴耶、末那及眼等六，合之成八。

(Sớ: Tám thức là A Lại Da thức, Mạt Na thức và sáu thức như Nhãn Thức v.v... hợp thành tám thức).

Lại Da là A Lại Da Thức (Ālayavijñāna). Duy Thức Tông nói hiện tượng tâm lý gồm có tám thức, tác dụng tâm lý (Tâm Sở) gồm năm mươi một thức (năm mươi một Tâm Sở thuộc về tác dụng), hai mươi bốn món Bất Tương Ứng cũng thuộc về tác dụng của tâm. Thức thứ tám là A Lại Da Thức, còn gọi là Tạng Thức; hết thảy vạn pháp trong vũ trụ và nhân sinh đều do nó biến hiện ra. Vì thế, thức này gọi là Căn Bản Thức. Nói theo các tôn giáo khác, A Lại Da Thức là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa, Hóa Công) thật sự, thứ gì cũng đều do nó tạo ra, đều do nó biến hiện ra. Nó

biến hiện có quy tắc, có trật tự, chẳng rối loạn. Toàn thể vũ trụ, các tinh cầu vận hành trong hư không chẳng rối loạn. Thân thể của chúng ta là tiểu vũ trụ, tiểu vũ trụ giống hệt đại vũ trụ; đại vũ trụ chẳng thể nghĩ bàn, tiểu vũ trụ của chúng ta cũng chẳng thể nghĩ bàn. Trong tiểu vũ trụ, mỗi bộ phận vận hành cũng có thứ tự, chẳng rối loạn. Nếu chúng rối loạn, con người sẽ ngã bệnh, phải chết. Chúng chẳng rối loạn, rất có trật tự; vì thế, người bình thường cảm thấy rất kỳ quái: “Chắc là phải có một vị thần làm chúa tể ở trong ấy”. Thật ra, chẳng phải thần, mà là A Lại Da Thức làm chúa tể!

Mạt Na (Manasvijñāna) còn dịch là Truyền Tổng (tiếp nhận rồi gửi đi), bên trong thì nó lấy thức thứ tám (A Lại Da) làm bản thể hay tự thể của nó, ngoài nương vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, để khởi tác dụng. Bản thân nó chẳng có Thể, mà cũng chẳng có tác dụng, nó thật sự là Y Tha Khởi. Thức thứ sáu phân biệt, Mạt Na Thức chấp trước, chấp trước vào một phần của Kiến Phần trong A Lại Da Thức. Kiến Phần rộng lớn vô biên, Mạt Na chấp trước một phần [của Kiến Phần], coi nó là Tự Ngã. Linh Hồn như người Trung Quốc thường nói chính là nó, tức là một phần trong Kiến Phần của A Lại Da Thức. Kinh sánh ví A Lại Da Thức như biển cả, một phần ấy giống như một cái bọt nước sanh trong biển cả, người ta chấp trước cái bọt nước ấy là chính mình. Đây là cách nhìn sai lầm. Nếu nhận biết toàn thể biển cả là chính mình thì gọi là thành Phật, là đại triết đại ngộ. Nay người ấy không có cách nào phá vỡ bọt nước nhỏ nhoi, chẳng thể thấy Chân Ngã rộng lớn vô biên. Kẻ ấy có Ngã Chấp; Ngã Chấp hạn cuộc, nhỏ bé, chấp trước cái thân của chính mình là Ngã, đó là sai lầm, chẳng biết tận hư không trọn pháp giới là Ngã, đó là Chân Ngã.

Mãi cho đến thức thứ sáu, và năm thức trước, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, đó là tác dụng của năm căn. “Thấy, nghe, hay, biết” cảnh giới bên ngoài là tác dụng của năm thức trước. Chúng có thể cảm nhận cảnh giới bên ngoài, sức phân biệt yếu ớt. Có sức phân biệt mạnh nhất là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Trong cuộc sống thường ngày, có nhiều danh từ thuật ngữ xuất phát từ Phật pháp, đủ thấy Phật pháp có ảnh hưởng rất sâu đậm đối với đời sống của người Trung Quốc, phạm vi ảnh hưởng to lớn. Chúng ta thường nói “*chú ý*”: Chẳng hạn nhìn thì quý vị phải chú ý nhìn, nghe thì quý vị phải chú ý nghe. Hai chữ này (tức “*chú ý*”) xuất phát từ Phật pháp. Chú ý là gì? Ý là Ý Thức. Khi mắt quý vị thấy, tức là Nhãn Thức thấy sắc pháp, vì sức phân biệt của quý vị yếu ớt nên phải dồn sức chú ý, tức là đưa thêm Ý Thức vào. Quý vị phân biệt kỹ càng, phân biệt kỹ càng là dồn sức chú ý. Thức thứ sáu,



tức Ý Thức, có tác dụng phân biệt quá rộng lớn, đối với bên trong nó có thể phan duyên A Lại Da Thức, đối với bên ngoài, nó có thể nương theo năm căn để phan duyên cảnh giới bên ngoài, có thể nói là “*không gì chẳng duyên*”; tác dụng hết sức rộng lớn.

**(Sớ) Nhị vô ngã giả, nhân vô ngã, pháp vô ngã.**

**(疏) 二無我者，人無我，法無我。**

**(Sớ: Nhị vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã).**

“*Nhị vô ngã*” là hai thứ vô ngã. Một loại là Nhân Vô Ngã, loại kia là Pháp Vô Ngã. Nhân Vô Ngã: Cái thấy của ta (ngã kiến, khả năng thấy) ở bên trong, thuộc về con người, vật được ta thấy (ngã sở kiến) là pháp bên ngoài. Nếu “*năng kiến*” là Không thì là Nhân Vô Ngã. Quý vị cũng quán thấy “*tướng được thấy*” (sở kiến) là Không, sẽ là Pháp Vô Ngã. Như thế thì mới có thể khôi phục bản tánh của chính mình, mới có thể thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Thiền gia nói “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), quý vị mới có thể thật sự thấy được diện mạo vốn có. Đương nhiên đây là một cảnh giới khá cao. Nếu đạt đến Nhân Vô Ngã, sẽ có thể thoát khỏi tam giới; đối với Tiểu Thừa là bậc đã chứng quả A La Hán; trong Đại Thừa Viên Giác là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín. Các vị ấy đã tu đến Nhân Vô Ngã, vô ngã rồi! Tuy vô ngã, họ vẫn còn có Pháp. Nói điều này quá khó hiểu, chúng tôi nêu ra một tỷ dụ để nói.

Chúng ta tỷ dụ Ngã như cuốn sách này, ví Pháp như những trang giấy. Một bữa nào đó, người ấy giác ngộ, có sách hay không? Không có sách! Vì sao không có sách? Chỉ là từng trang giấy! Gộp chúng lại sẽ thành sách, trên thực tế chẳng có sách. Tách rời chúng ra, lập tức sách không còn nữa. Đủ thấy cuốn sách này, không chỉ Danh là giả, mà Tướng cũng là giả! Quý vị có hiểu hay không? Tướng cũng là giả, Tướng chẳng thật. Quý vị biết sách không có, mà cái tên “sách” cũng chẳng có; Thẻ của sách cũng chẳng có. Người ấy đã giác ngộ điều này, nhưng [vẫn thấy] giấy là có, chấp vào giấy, giấy là Pháp. Phá Nhân Ngã Chấp, nhưng Pháp Ngã Chấp vẫn chưa phá, vẫn còn có giấy! Nếu đem phân tích giấy, nhìn dưới kính hiển vi có độ phóng đại lớn, [sẽ thấy giấy] toàn là nguyên tử, điện tử! Giấy cũng không có, Pháp cũng không có, đó là một tầng cao hơn, Pháp cũng chẳng chấp trước! Đây là minh tâm kiến tánh. Phá trừ Ngã Chấp, xuất tam giới, phá trừ Pháp Chấp, bèn minh tâm kiến tánh. Bất luận tông

nào, pháp môn nào, bộ kinh điển nào, đều tuân theo nguyên lý và nguyên tắc này, chắc chắn chẳng thay đổi!

Do điều này, chúng ta tu hành, công phu của chính mình đạt đến trình độ nào chẳng cần phải hỏi ai khác, vì người khác có thể dối gạt quý vị. Ở Los Angeles, tôi đã gặp một số người tu hành đôi ba năm, tự nghĩ ta tu khá lắm, bèn thỉnh người khác ấn chứng. Kết quả là gã đó thọ ký cho họ: “Mấy người các ông đã khai ngộ rồi!” Bọn họ sung sướng khôn ngần, đều tự nghĩ mình đã khai ngộ. Tôi giảng kinh ở Los Angeles, những người “khai ngộ” ấy cũng đến nghe, nghe xong, đến hỏi tôi: “Chúng tôi đã khai ngộ hay chưa?” Tôi nói: “Quý vị chưa khai ngộ”. Họ nói: “Vì sao vị pháp sư đó nói tôi đã khai ngộ?” Tôi nói: “Tôi chưa khai ngộ. Quý vị đến hỏi tôi quý vị đã khai ngộ hay chưa, tôi chắc chắn chứng minh quý vị chưa khai ngộ, ông ta lừa người rồi! Cảnh giới do quý vị chứng đắc, hãy nên hỏi chính mình; chính mình mới thật sự hiểu. Nếu quý vị đã phá Ngã Chấp, chắc chắn thoát khỏi tam giới”. Kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng: “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, chẳng phải là Bồ Tát). Đây chẳng phải là Bồ Tát! Chẳng phải là vị Bồ Tát nào vậy? Chẳng phải là một vị Bồ Tát vượt thoát tam giới, vẫn chưa thoát khỏi tam giới! Trong tam giới, vị ấy là Bồ Tát gì? Danh tự Bồ Tát! Hữu danh vô thực. Nếu quý vị thọ Bồ Tát Giới, sẽ đều là Bồ Tát, hữu danh vô thực! Một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, nên gọi là danh tự Bồ Tát. Nếu thật sự tu hành, nhưng công phu chưa đến mức, thì gọi là Quán Hạnh Bồ Tát, quý vị là một Bồ Tát tu hành, nhưng chưa đạt mức. Dù có đi học, nhưng thi không đậu, cũng vô ích. Vì thế, cảnh giới phải tự hỏi chính mình [đừng mất công hỏi ai khác].

Nếu đối với người, đối với sự, đều xem nhẹ, chắc chắn sẽ có lợi cho chính mình, đừng nên sốt sắng [tham đắm] quá, đừng quá chấp trước. Sốt sắng, chấp trước, sẽ tăng trưởng Ngã Kiến. Phải tận lực nghĩ đến phương pháp phá trừ Ngã Kiến, để cho nó tăng trưởng hằng ngày thì còn làm gì được nữa! Ất phải nhứt bát [Ngã Kiến], tâm mới được thanh tịnh, tự tại. Nếu chưa thể, hãy nên sanh lòng hổ thẹn, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Chưa có năng lực phá trừ Ngã Kiến, chỉ có một con đường là niệm Phật thì mới có thể thành công. Trong hết thảy các kinh, cũng chỉ có bộ kinh này thật sự có thể cứu người, có thể cứu mình, có thể cứu chúng sanh. Chiếu theo lý luận và phương pháp trong kinh Di Đà để niệm Phật, chúng ta chắc chắn thành tựu trong một đời này.

**(Sớ) *Dĩ thượng diệc giai nhập ngũ pháp trung, tường kiến Nhập Lăng Già chư kinh.***

**(疏) 以上亦皆入五法中，詳見入楞伽諸經。**

*(Sớ: Những điều trên đây cũng thuộc trong năm pháp, xem chi tiết trong các kinh như Nhập Lăng Già<sup>2</sup>).*

“*Dĩ thượng diệc giai nhập ngũ pháp trung*”: Điều chẳng rời khỏi năm pháp. Đối với tám thức, tự thể của tám thức là vọng tưởng, “*danh tướng*” là do thức thứ sáu so lường. Khi chuyển Thức thành Trí, nó sẽ là Chánh Trí, Lý được chứng nhập [bởi Chánh Trí] là Như Như. Vô Ngã cũng chẳng ra ngoài năm pháp. Hai thứ chấp trước Nhân và Pháp cũng thuộc vào danh, tướng và vọng tưởng. Hai thứ vô ngã, tức Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã, đều nói đến Lý, tức là lý Như Như. Khi chứng đắc “*nhị vô ngã*” thì chính là trí huệ, nên gọi là Chánh Trí. Vì thế, các pháp này đều chẳng lìa khỏi năm pháp ấy. “*Tường kiến Nhập Lăng Già chư kinh*” (xem

---

<sup>2</sup> Nhập Lăng Già Kinh (Lankāvatāra-sūtra) có tên gọi đầy đủ là Lăng Già A Bát Đa La Bảo Kinh, là một bộ kinh Đại Thừa, chuyên giảng về Như Lai Tạng, chân thường duy tâm. Cùng với kinh Giải Thâm Mật, kinh Lăng Già được coi là kinh điển trọng yếu của Như Lai Tạng Học Phái. Danh xưng của kinh thường được giải thích như sau: Lăng Già có nghĩa là Hồng Bảo Thạch, là tên một ngọn núi báu. Có thuyết giải thích Lăng Già là tên một hòn đảo vốn là thủ đô của xứ Ravana, nơi cư trú của La Sát Vương. Toàn bộ danh xưng Lăng Già A Bát Đa La có nghĩa là đức Phật vào núi báu Lăng Già để giảng kinh này. Kinh Lăng Già có năm bản dịch:

1. Bản dịch thứ nhất của ngài Đàm Vô Sấm dịch tại xứ Cô Tạng nước Bắc Lương đã thất truyền từ đời Đường.
  2. Bản dịch mang tên Lăng Già A Bát Đa La Bảo Kinh của ngài Cầu Na Bát Đa La dịch vào năm Nguyên Gia 20 (443) đời Lưu Tống, gồm bốn quyển. Theo truyền thuyết, tổ Đạt Ma đã truyền cho ngài Huệ Khả bản kinh này. Sách Truyền Đăng Lục cũng nói Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đã vẽ bức Lăng Già Tu Định Đồ trên vách tường trong Thiền thất.
  3. Bản dịch mang tên Nhập Lăng Già Kinh mười quyển do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào đời Bắc Ngụy.
  4. Bản dịch mang tên Đại Thừa Nhập Lăng Già Kinh, bảy quyển, do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường.
  5. Bản hội tập mang tên Lăng Già Hội Dịch do pháp sư Viên Kha biên soạn vào đời Minh. Bản này hội tập ba bản Tống dịch, Ngụy dịch và Đường dịch.
- Nguyên bản kinh này bằng tiếng Phạn được phát hiện vào năm 1923 tại Kathmandu của Nepal và được Nam Điều Văn Hùng (Nanjō Bunyū) người Nhật kiểm giáo, xuất bản. Đến năm 2005, Đàm Tích Vĩnh dựa theo bản này, tham khảo ba bản Hán dịch trước đó, dịch thành bản mới mang tựa đề Nhập Lăng Già Kinh Phạm Bồn Tân Dịch. Ở đây, Tổ Liên Trì dùng chữ “*Lăng Già chư kinh*” trong lời Sớ nhằm nói đến các bốn bản dịch gốc và một bản hội tập vào đời Minh.

chi tiết trong các kinh như Nhập Lăng Già): Trong Nhập Lăng Già Kinh, trong kinh luận Duy Thức, đều nói [những giáo nghĩa này] rất nhiều.

**(Sớ) *Tất Không tất khiến, sở vị Phật thân vô vi, bất đọa chư số.***

**(疏) 悉空悉遣，所謂佛身無為，不墮諸數。**

**(Sớ):** “Đều là Không, đều bỏ đi”, chính là nói: Thân Phật vô vi nên chẳng thuộc vào số).

“**Tất**” (悉) là thấy đều tách lìa, đều buông xuống, đây là nghĩa lý Đốn Giáo. Đều buông hết xuống, đó là “**bất đọa chư số**”: Số là số lượng, chỉ cần trong tâm ta có ngã (ta), còn có nhân (người khác), quý vị sẽ vướng mắc trong số. Nói đơn giản thì cái Số đó chính là vận mạng, quý vị sẽ có vận mạng. Do vậy có thể xem tướng, có thể đoán vận mạng, vì sao? Vì quý vị còn vướng mắc trong Số. Nếu công phu của quý vị đạt đến vô ngã, chẳng còn có số nữa, đoán mạng hay xem tướng cũng đoán chẳng ra, vì sao? Vượt thoát rồi, chẳng mắc vào số. Quý vị phải hiểu: Chỉ cần chúng ta còn khởi tâm động niệm bèn có tội, phước; trong quá khứ, chúng ta làm thiện nghiệp bèn có thiện báo, tạo ác nghiệp bèn có ác báo, chẳng tránh khỏi quả báo thiện hay ác. Đó là định luật, không có cách nào tránh né được. Nếu đạt đến vô ngã, sẽ không còn nữa. Quý vị hãy suy nghĩ, vô ngã thì ai chịu báo? Phước báo hiện tiền, ai hưởng phước? Ngã không có thì cái gì hưởng? Tội báo hiện tiền, ngã không có, ai chịu báo? Không có! Hễ có ngã bèn có lục đạo luân hồi, vô ngã thì lục đạo luân hồi chẳng thể được! Khi ấy, đừng nói là vượt thoát luân hồi, ngay cả luân hồi cũng chẳng có.

Do điều này, nếu quý vị hiểu rõ sự thật này, lục đạo do đâu mà có? Có ngã bèn có lục đạo, vô ngã chẳng có lục đạo! Có pháp bèn có tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Nếu không có pháp, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Đến khi ấy, sẽ là cảnh giới gì? Bất đắc dĩ, miễn cưỡng gọi bằng danh từ “Nhất Chân pháp giới”. Kinh Hoa Nghiêm nói Nhất Chân pháp giới là nói về chuyện này. Vì thế, phải biết: Mười pháp giới do chính mình biến hiện, hiểu rõ đạo lý này rồi sẽ dễ tu!

Trong hết thấy các cảnh giới, phải bỏ Ngã! Ngã ấy bỏ bằng cách nào? Quá khó khăn! Người Tiểu Thừa sau khi đoạn Kiến Hoặc, phải sanh trong cõi trời hay cõi người bảy lượt, đoạn Tư Hoặc, đạt đến cảnh giới Nhân Không, chứng A La Hán. Nhân gian thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thời gian dài lâu, những con số ấy đều là con số thiên văn, chẳng có cách nào tính toán được! Muốn phá trừ Pháp Chấp, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đủ thấy chẳng phải là chuyện dễ dàng! Phương pháp của Đại Thừa

xảo diệu hơn Tiểu Thừa rất nhiều. Người Tiểu Thừa đoạn bằng phương pháp cứng ngắt (không linh hoạt, uyển chuyển), đoạn cứng ngắt sẽ đoạn không được, đâu có đạt đến vô ngã thì ai vô ngã? Ta vô ngã! Quý vị nghĩ xem: Còn có ngã hay là không? Vẫn còn! Phương pháp Đại Thừa hay khéo, dạy quý vị khởi tâm động niệm hãy luôn nghĩ vì chúng sanh, nghĩ đến người khác, chẳng nghĩ tới chính mình, lâu dần dưỡng thành thói quen, chẳng còn Ngã nữa. Người niệm Phật khởi tâm động niệm đều nghĩ đến A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Như vậy dần dần sẽ quên mất chính mình! Chẳng dùng phương pháp xảo diệu này, mà mong đoạn trừ Ngã, sẽ chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ cần có Ngã, bất luận quý vị tu pháp môn gì cũng đều có luân hồi.

Tu Thiền đến mức vô ngã mới có thể thoát khỏi tam giới. Tu Mật đến vô ngã mới có thể thành Phật. Chỉ cần tồn tại ngã thì Thiền lẫn Mật đều chẳng thoát khỏi tam giới. Muốn vượt thoát tam giới, chỉ có con đường niệm Phật đối nghiệp vãng sanh là có thể đi thông suốt; trừ con đường này ra, không có con đường thứ hai! Đủ thấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ hết sức trọng yếu, nhất là trong thời đại hiện tại, thiên hạ đại loạn, mạng người vô thường, một hơi thở ra không hít vào được nữa, bèn phải luân hồi, hết sức đáng sợ! Hôm nay đã hết thời gian rồi!